

TỔNG CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY
DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46 /CV-CTX-TKTCT

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: CTX
- Địa chỉ: Tầng 2, nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: (024) 6281.2000 Fax: (024) 3782.0176
- Email: Website: <http://www.ctx.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2024
 - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
- + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC bán niên năm 2024):
 - ☐ Có ☒ Không
- Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☐ Có ☒ Không
- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC bán niên năm 2024):
 - ☐ Có ☒ Không
- Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☐ Có ☒ Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/08/2024 tại đường dẫn: <http://ctx.vn/co-dong/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Hợp nhất và BCTC Công ty Mẹ giữa niên độ đã được soát xét năm 2024.
- Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC giữa niên độ đã được soát xét năm 2024.

Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền CBTT



Trần Anh Hải



Số: **17** /CV-CTX-TKTCTV/v: Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC
giữa niên độ đã được soát xét năm 2024

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty: Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam
Mã chứng khoán: CTX
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Điện thoại : (024) 6281.2000 Fax: (024) 3782.0176 Email: info@ctx.vn
- Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Anh Hải - Thư ký TCT
- Nội dung thông tin công bố:
Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2024:
3.1. Báo cáo tài chính Công ty Mẹ:
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính Công ty Mẹ chuyển từ lỗ 708,77 triệu đồng ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lãi 2.351,08 triệu đồng ở kỳ này, nguyên nhân chủ yếu là do hoàn nhập trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con, nên chi phí tài chính trong kỳ báo cáo giảm 3.034 triệu đồng (giảm 830,24% so với cùng kỳ năm trước), dẫn tới lợi nhuận sau thuế kỳ báo lãi 2.351,08 triệu đồng.
3.2. Báo cáo tài chính Hợp nhất:
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính Hợp nhất thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
Lợi nhuận sau thuế kỳ báo cáo giảm 8.144 triệu đồng, bằng 84,6% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu do: doanh thu kỳ báo cáo giảm chỉ bằng 75,5%, trong khi đó chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng tương ứng 77,3% và 31,3% so với cùng kỳ năm trước.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/08/2024 tại đường dẫn: <http://ctx.vn/co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm Pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TKTCT.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**Thư ký Tổng công ty****Trần Anh Hải**

GIẤY ỦY QUYỀN**Căn cứ:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 số 2017/NĐCTX-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2017.
- Quyết định số 20/2020/QĐ-CTX-TCNS ngày 12 tháng 06 năm 2020 về việc bổ nhiệm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán.

1. Người ủy quyền:

- Ông : **Phan Minh Tuấn**
- Thẻ căn cước công dân số: 001073010806 do Cục cảnh sát ĐKQLCT và DLQG về dân cư cấp ngày 15/09/2016.
- Chức vụ : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (CTX Holdings).

2. Người được ủy quyền:

- Bà : **Hoàng Thị Hương Lan**
- Số CMTND : 013505021 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/01/2012
- Chức vụ : Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

3. Nội dung ủy quyền:

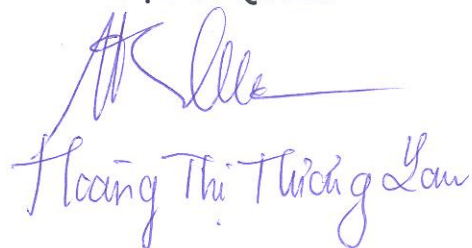
- Ông Phan Minh Tuấn, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc ủy quyền cho bà Hoàng Thị Hương Lan, trưởng phòng Tài chính - Kế toán thay mặt cho Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam ký: Bộ báo cáo tài chính văn phòng và hợp nhất năm, bán niên, quý của Tổng Công ty CTX Holdings (báo cáo tự lập và báo cáo kiểm toán) theo qui định của pháp luật.
- Người được ủy quyền nêu trên chỉ được thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của Tổng công ty CTX Holdings và chịu hoàn toàn trước pháp luật và Tổng công ty CTX Holdings về những công việc trong phạm vi được ủy quyền.

4. Thời hạn ủy quyền:

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt khi công việc theo nội dung ủy quyền được hoàn thành hoặc có văn bản khác thay thế văn bản này./.

NGƯỜI ỦY QUYỀN

**TỔNG GIÁM ĐỐC
PHAN MINH TUẤN**

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Hoàng Thị Hương Lan



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là một Tổng Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Quyết định số 655/QĐ-BXD ngày 13/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103017485 lần đầu ngày 25/5/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 04/10/2019 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100109441.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100109441 thay đổi lần thứ 12 ngày 04/10/2019 là: 789.072.760.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi chín tỷ, không trăm bảy mươi hai triệu bảy, trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETNAM INVESTMENT CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK CORPORATION.

Tên Công ty viết tắt là: CONSTREXIM HOLDINGS

Cổ phiếu của Tổng Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch: CTX. Ngày 29/11/2023, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có Thông báo số 5088/TB-SGDHN về việc hủy bỏ Niêm yết bắt buộc cổ phiếu CTX của Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam: Số lượng cổ phiếu hủy niêm yết là 78.907.276 cổ phiếu; Thời gian hủy niêm yết là ngày 12/12/2023 và thực hiện giao dịch trên sàn UpCOM kể từ ngày 26/12/2023 theo Thông báo số 5430/TB-SGDHN của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ký ngày 19/12/2023.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Trần Khanh	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Chu Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Lý Quốc Hùng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lý Văn Khả	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Anh Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Toàn Thắng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Lý Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thu Lý	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

T.Ư.QU. Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Hương Lan

Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

(Giấy ủy quyền số 06/UQ-CTX-KHTC ngày 28/8/2020)

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Số: 344/2024/BCSXHN-CPA VIETNAM- NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam được lập ngày 28/8/2024, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.11 của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ về việc Tổng Công ty đã ghi nhận chi phí đầu tư xây dựng tầng 1 của các tòa nhà CT3, CT4-5 và CT6 thuộc Dự án Khu đô thị mới Yên Hòa là tài sản của Tổng Công ty dựa theo Quyết định số 153/2006/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội (“UBND thành phố Hà Nội”) ban hành ngày 31/8/2006 và Công văn số 09/BXD-QLN ngày 07/01/2013 của Bộ Xây dựng. Tuy nhiên, theo Công văn số 985/UB-NNĐC do UBND TP. Hà Nội ban hành ngày 31/3/2004, Tổng Công ty có trách nhiệm bàn giao tầng 1 của các tòa nhà cao tầng này cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội theo quy định. Tổng Công ty hiện đang làm việc với các cơ quan hữu quan để giải quyết các nội dung này.

Vấn đề nhấn mạnh không làm thay đổi Kết luận của chúng tôi.

Vấn đề khác

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Tổng Công ty chưa thực hiện theo khoản 2 Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán về việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Tổng Công ty do Đại hội đồng cổ đông không thông qua.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ/CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		539.391.837.424	589.604.145.785
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	110.088.402.596	108.024.489.352
1. Tiền	111		110.088.402.596	50.024.489.352
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	58.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	203.645.251	45.203.645.251
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.549.370.051	2.549.370.051
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.345.724.800)	(2.345.724.800)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	45.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		285.875.464.024	289.156.946.716
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	186.055.858.790	186.689.047.711
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	139.621.662.656	134.917.962.792
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	125.399.222.518	132.751.216.153
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(165.201.279.940)	(165.201.279.940)
IV. Hàng tồn kho	140		117.480.435.811	118.328.266.322
1. Hàng tồn kho	141	5.7	117.480.435.811	118.328.266.322
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.743.889.742	28.890.798.144
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	890.627.586	3.424.616.991
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.384.440.097	23.355.012.055
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	2.468.822.059	2.111.169.098
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		1.396.394.907.957	1.376.537.936.463
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.450.141	11.450.141
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	11.450.141	11.450.141
II. Tài sản cố định	220		401.038.290.153	413.229.904.311
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	387.898.461.325	399.902.764.606
- Nguyên giá	222		531.413.674.798	531.313.261.262
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(143.515.213.473)	(131.410.496.656)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	13.139.828.828	13.327.139.705
- Nguyên giá	228		17.950.000.000	17.950.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.810.171.172)	(4.622.860.295)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	40.924.752.590	42.078.047.888
1. Nguyên giá	231		69.146.276.979	69.146.276.979
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(28.221.524.389)	(27.068.229.091)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		948.016.434.122	915.413.300.408
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.12	126.541.749.009	126.066.617.091
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	821.474.685.113	789.346.683.317
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.639.383.081	1.639.383.081
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	12.012.898.701	12.012.898.701
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(10.373.515.620)	(10.373.515.620)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.764.597.870	4.165.850.634
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	4.764.597.870	4.165.850.634
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.935.786.745.381	1.966.142.082.248

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		917.096.621.668	948.938.522.688
I. Nợ ngắn hạn	310		742.404.454.642	775.025.105.829
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	188.952.204.279	201.262.281.792
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	61.408.241.060	53.253.397.621
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	2.151.026.038	10.677.826.263
4. Phải trả người lao động	314		5.843.213.751	6.258.582.724
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	230.226.000.375	232.463.832.355
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	1.237.450.654	4.202.072.935
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	100.531.232.449	114.822.235.967
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	148.160.000.000	148.160.000.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.895.086.036	3.924.876.172
II. Nợ dài hạn	330		174.692.167.026	173.913.416.859
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.16	141.093.011.153	140.556.946.361
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17	18.383.017.333	16.834.956.820
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	2.034.500.000	3.339.875.138
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		13.181.638.540	13.181.638.540
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.018.690.123.713	1.017.203.559.560
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	1.018.690.123.713	1.017.203.559.560
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		789.072.760.000	789.072.760.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		104.636.382	104.636.382
10. Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế	421		217.476.166.536	215.967.015.016
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		215.967.015.016	180.187.026.682
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.509.151.520	35.779.988.334
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		12.036.560.795	12.059.148.162
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.935.786.745.381	1.966.142.082.248

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Người lập/Kế toán trưởng



Đỗ Quốc Việt

T.UQ Tổng Giám đốc
Trưởng phòng Tài chính kế toán




Hoàng Thị Hương Lan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	69.300.424.089	91.783.565.981
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		69.300.424.089	91.783.565.981
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	45.989.853.909	67.323.009.496
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		23.310.570.180	24.460.556.485
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.302.929.935	1.142.399.054
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Phần lãi (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.4	6.224.178.047	3.509.385.815
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	16.242.849.219	12.366.270.729
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		2.146.472.849	9.727.298.995
12. Thu nhập khác	31	6.5	140.884.794	68.362.181
13. Chi phí khác	32	6.5	198.832.212	164.764.790
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.5	(57.947.418)	(96.402.609)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		2.088.525.431	9.630.896.386
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	601.961.278	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.486.564.153	9.630.896.386
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		1.509.151.520	9.651.752.426
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(22.587.367)	(20.856.040)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	19	122


Người lập/Kế toán trưởng



Đỗ Quốc Việt

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

T.Ư.Q. Tổng Giám đốc
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Hoàng Thị Hương Lan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.088.525.431	9.630.896.386
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		13.445.322.992	16.749.181.430
- Các khoản dự phòng	03		-	432.756.678
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.296.329.935)	(1.139.186.044)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.237.518.488	25.673.648.450
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.476.963.333	28.187.392.823
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		372.698.593	6.699.428.903
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(24.567.180.397)	(50.835.694.314)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.935.242.169	3.311.768.544
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.876.681.901)	(297.746.246)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.421.439.715)	12.738.798.160
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(32.228.415.332)	(11.987.620.965)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		45.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.713.768.291	1.058.366.780
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.485.352.959	(10.929.254.185)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.063.913.244	1.809.543.975
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	108.024.489.352	45.062.497.655
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	110.088.402.596	46.872.041.630

Người lập/Kế toán trưởng



Đỗ Quốc Việt

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

**T.UQ Tổng Giám đốc
Trưởng phòng Tài chính kế toán**




Hoàng Thị Hương Lan

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam là một Tổng Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Quyết định số 655/QĐ-BXD ngày 13/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103017485 lần đầu ngày 25/5/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 04/10/2019 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100109441.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100109441 thay đổi lần thứ 12 ngày 04/10/2019 là: 789.072.760.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi chín tỷ, không trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETNAM INVESTMENT CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK CORPORATION.

Tên Tổng Công ty viết tắt là: CONSTREXIM HOLDINGS

Cổ phiếu của Tổng Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch: CTX. Ngày 29/11/2023, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có Thông báo số 5088/TB-SGDHN về việc hủy bỏ Niêm yết bắt buộc cổ phiếu CTX của Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam: Số lượng cổ phiếu hủy niêm yết là 78.907.276 cổ phiếu; Thời gian hủy niêm yết là ngày 12/12/2023; và thực hiện giao dịch trên sàn UpCOM kể từ ngày 26/12/2023 theo Thông báo số 5430/TB-SGDHN của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ký ngày 19/12/2023.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và Các Công ty con tại ngày 30/6/2024 là 257 (tại ngày 31/12/2023 là 245).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty là:

- Đầu tư, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng và nhà ở; và vận hành kinh doanh khách sạn.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn giám sát xây dựng và mua sắm;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động kinh doanh bất động sản và xây lắp của Tổng Công ty không được xác định một cách rõ ràng mà phụ thuộc vào từng hợp đồng, dự án mà Tổng Công ty thực hiện.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2024, Tổng Công ty có các Công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên Chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>
1. Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam tại Hải Dương	Số 42, phố Lê Chân, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
2. Trung tâm Kinh doanh Thương mại – Dịch vụ Constrexim TS – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	Số 39, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Các Công ty con, Công ty liên kết:

	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty TNHH CTX số 1	100 %	100 %	100 %	Thi công, xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH Apas Hospitality (trước đây là Công ty TNHH CTX số 3)	100 %	100 %	100 %	Cung cấp dịch vụ quản lý và cho thuê bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Constrexim	81%	81%	81%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	99,99%	99,99%	99,99%	Phát triển dự án khách sạn và trung tâm thương mại
Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	94%	94%	94%	Phát triển dự án bất động sản
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	98 %	98 %	98%	Phát triển dự án thủy điện
Công ty Cổ phầnn Ocean View Nha Trang	90%	90%	90 %	Phát triển dự án bất động sản
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	100%	100%	100 %	Phát triển dự án đang quản lý và kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH CTX Số 2	100%	100 %	100 %	Đầu tư phát triển dự án Bất động sản
Công ty liên doanh liên kết				
Công ty Cổ phần Constrexim Đức Tân Long	28%	28%	28%	Sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà	20 %	20%	20%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn xây dựng Constrexim (ICC)	30 %	30%	30%	Thi công xây lắp, Tư vấn thiết kế công trình
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	27%	27%	27%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần ĐTXD và lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	20%	20%	20 %	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	20%	20 %	20%	Thi công xây lắp, Tư vấn thiết kế.
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	30 %	30%	30 %	Thi công xây lắp.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ :

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 40
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Tài sản khác	05

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty là các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và Công ty liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay hợp nhất cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay.
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.
- Các chi phí phải trả khác

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cho thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu kinh doanh bất động sản, doanh thu xây lắp, cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ cho thuê tài sản hoạt động.....

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ lãi vay trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, kinh doanh bất động sản, doanh thu khác và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.919.794.247	1.743.938.004
Tiền gửi ngân hàng	108.168.608.349	48.280.551.348
Các khoản tương đương tiền (*)	-	58.000.000.000
Tổng	110.088.402.596	108.024.489.352

(*): Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hà Nội - Phòng Giao dịch Âu cơ, Lãi suất 4,5%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

45473 01/01/20234						Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	2.549.370.051	203.645.251	(2.345.724.800)	2.549.370.051	203.645.251	(2.345.724.800)
Trong đó:						
Cổ phiếu Công ty CP Constrexim Việt CZ (i)	862.400.000		(862.400.000)	862.400.000		(862.400.000)
- CTCP Phát triển Công trình Viễn thông	390.000.000	128.000.000	(262.000.000)	390.000.000	33.000.000	(357.000.000)
- Ngân hàng TMCP Đông Á	1.296.000.000	74.675.200	(1.221.324.800)	1.296.000.000	169.675.200	(1.126.324.800)
- CTCP Tập đoàn Hòa Phát	170.051	170.051	-	170.051	170.051	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	800.000	800.000	-	800.000	800.000	-
Tổng	2.549.370.051		(2.345.724.800)	2.549.370.051		(2.345.724.800)

(i) Cổ phiếu của Công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tổng Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

30/6/2024(VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc
Giá trị ghi sổ			
Ngắn hạn			
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nội - PGD Âu Cơ	-	-	45.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	10.000.000.000
			35.000.000.000
Tổng	-	-	45.000.000.000

Tổng Công ty thực hiện gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hà Nội - PGD Âu Cơ và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng; Kỳ hạn từ 4 đến 6 tháng, Lãi suất 4,5%/năm và 5,3%/năm.

c. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá trị hợp lý
Giá trị dự phòng			
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			
Công ty Cổ phần Constrexim Đức Tân Long	32.933.412.413	(32.933.412.413)	32.933.412.413
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà	18.433.412.413	(18.433.412.413)	18.433.412.413
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn xây dựng Constrexim (ICC)	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Đồng Đô	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000
Công ty Cổ phần ĐTXD và lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	2.700.000.000	(2.700.000.000)	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000
Công ty Cổ phần xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000
	1.800.000.000	(1.800.000.000)	1.800.000.000

Trong giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết có giá trị lợi thể kinh doanh của Tổng Công ty góp vốn vào các Công ty này tại ngày 30/6/2024 với số tiền là 3.932.770.00 VND (tại ngày 31/12/2023 là 3.932.770.000 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

d. Đầu tư vào đơn vị khác

	30/6/2024 (VND)				01/01/2024 (VND)			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Đầu tư vào đơn vị khác	12.012.898.701		(10.373.515.620)		12.012.898.701		(10.373.515.620)	
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và XNK Cảnh Viên	2.765.700.000	(*)	(2.765.700.000)		2.765.700.000	(*)	(2.765.700.000)	
Công ty Cổ phần Constrexim Đầu tư và xây lắp Cao tầng	1.800.000.000	(*)	(1.800.000.000)		1.800.000.000	(*)	(1.800.000.000)	
Công ty Cổ phần Constrexim số 1	1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)		1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)	
Công ty Cổ phần Constrexim số 8 (i)	979.383.081	744.331.142	-		979.383.081	714.947.400	-	
Công ty Cổ phần Constrexim số 6	690.000.000	(*)	(690.000.000)		690.000.000	(*)	(690.000.000)	
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (i)	660.000.000	440.220.000	-		660.000.000	458.040.000	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà Constrexim (HOD)	625.000.000	(*)	(625.000.000)		625.000.000	(*)	(625.000.000)	
Công ty Cổ phần Constrexim TM	549.950.000	(*)	(549.950.000)		549.950.000	(*)	(549.950.000)	
Công ty Cổ phần Constrexim Meco	500.000.000	(*)	(500.000.000)		500.000.000	(*)	(500.000.000)	
Công ty Cổ phần Constrexim Bình Định	500.000.000	(*)	(500.000.000)		500.000.000	(*)	(500.000.000)	
Công ty Cổ phần Constrexim Miền Trung	450.000.000	(*)	(450.000.000)		450.000.000	(*)	(450.000.000)	
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Constrexim (CIC)	400.000.000	(*)	(400.000.000)		400.000.000	(*)	(400.000.000)	
Công ty Cổ phần Constrexim Việt Séc	320.000.000	(*)	(320.000.000)		320.000.000	(*)	(320.000.000)	
Công ty Cổ phần Constrexim Hải Phòng	272.865.620	(*)	(272.865.620)		272.865.620	(*)	(272.865.620)	
Tổng	12.012.898.701		(10.373.515.620)		12.012.898.701		(10.373.515.620)	

Trong giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào các đơn vị khác có giá trị lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty góp vốn vào các Công ty này tại ngày 30/6/2024 với số tiền là 6.907.400.000 VND (tại ngày 31/12/2023 là 6.907.400.000 VND).

Các giao dịch giữa Tổng Công ty và Công ty con, liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.2.

- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại sàn giao dịch HNX và HOSE tại ngày 28/6/2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	186.055.858.790	186.689.047.711
Phải thu khách hàng xây lắp liên quan đến hợp đồng thầu phụ có điều kiện (*)	97.790.062.359	97.524.062.359
Phải thu theo các hợp đồng xây lắp khác	5.097.615.586	18.951.898.261
Phải thu do chuyển nhượng bất động sản	11.851.842.115	10.318.916.145
Các khách hàng khác	71.316.338.730	59.894.170.946
Tổng	186.055.858.790	186.689.047.711
<i>Trong đó phải thu ngắn hạn các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.2</i>	<i>8.138.601.964</i>	<i>6.836.096.291</i>

(*) Theo các hợp đồng thầu phụ có điều kiện, Tổng Công ty chỉ thanh toán cho các nhà thầu phụ sau khi nhận tiền thanh toán của các công trình từ chủ đầu tư.

5.4 Trả trước cho người bán

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư PT Constrexim số 16	15.129.767.017	15.129.767.017
Công ty TNHH NKB Archi Vietnam	6.434.900.000	6.434.900.000
Các đối tượng khác	118.056.995.639	113.353.295.775
Tổng	139.621.662.656	134.917.962.792
<i>Trong đó Trả trước người bán là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.2</i>	<i>19.239.305.539</i>	<i>19.239.305.539</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.5 Các khoản phải thu khác

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	125.399.222.518	(28.631.580.493)	132.751.216.153	(28.631.580.493)
Tạm ứng để thực hiện các hợp đồng xây lắp và dự án bất động sản	65.782.543.532	(25.981.741.545)	65.834.168.592	(25.981.741.545)
Ký cược, ký quỹ	181.852.260	-	130.000.000	-
Tạm ứng thực hiện các hoạt động khác	27.172.441.758	(271.630.727)	29.348.471.583	(271.630.727)
Phải thu khác	32.262.384.968	(2.378.208.221)	37.438.575.978	(2.378.208.221)
Phải thu dài hạn khác	11.450.141	-	11.450.141	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	11.450.141	-	11.450.141	-
Tổng	125.410.672.659	(28.631.580.493)	132.762.666.294	(28.631.580.493)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.6 Nợ xấu

30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
165.622.475.278	421.195.338	165.622.475.278	952.632.912
108.206.207.615	421.150.338	108.206.207.615	421.150.338
28.784.687.170	45.000	28.784.687.170	45.000
28.631.580.493	-	28.631.580.493	-

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán
hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Trả trước cho người bán ngắn hạn
Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Các khoản nợ xấu này đã được Tổng Công ty trích lập dự phòng với số tiền 165,6 tỷ đồng.

5.7 Hàng tồn kho

30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
1.474.462.693	-	1.329.446.107	-
1.288.908.629	-	1.459.588.318	-
114.625.693.823	-	115.446.015.989	-
91.370.666	-	93.215.908	-
117.480.435.811	-	118.328.266.322	-

Nguyên vật liệu
Công cụ và dụng cụ
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang
Hàng hóa

Tổng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.8 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND			
	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2024
a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			
Thuế giá trị gia tăng	10.677.826.263	2.686.722.684	11.213.522.909
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.658.630.043	271.020.698	1.544.495.898
Thuế XNK	5.706.013	32.464.362	35.130.272
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.575.431	4.575.431
Thuế thu nhập cá nhân	8.033.757.771	601.961.278	7.876.681.901
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	792.651.276	516.287.444	483.553.129
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	1.031.854.533	1.030.649.751
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	139.431.160	113.563.290	165.286.527
	47.650.000	114.995.648	73.150.000
Tổng	10.677.826.263	2.686.722.684	11.213.522.909
			2.151.026.038

b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2024
Thuế giá trị gia tăng	2.111.169.098	2.762.407.779	3.120.060.740
Thuế thu nhập doanh nghiệp	533.338.811	2.473.149.587	2.382.586.677
Thuế thu nhập cá nhân	1.474.409.259	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	11.551.600	289.258.192	317.036.393
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	36.196.218	-	412.848.870
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.588.800
	55.673.210	-	3.000.000
Tổng	2.111.169.098	2.762.407.779	3.120.060.740
			2.468.822.059

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa,
quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.8 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước (Tiếp theo)

Tổng Công ty đã căn trừ khoản thuế giá trị gia tăng đã nộp hai lần cho cơ quan thuế trong các năm 2006 và 2007 với cùng một số tiền là 29,6 tỷ đồng với thuế giá trị gia tăng phải trả trong tháng 12 năm 2011. Khoản thuế nộp hai lần này phát sinh do doanh thu bên liên quan đã được coi là doanh thu chịu thuế do đoàn thanh tra khác của Cục thuế Thành phố Hà Nội ký ngày 27/6/2006 và Biên bản thanh tra thuế cho năm 2006 và 5 tháng đầu năm 2007 do một đoàn thanh tra khác của Cục thuế Hà Nội ký ngày 25/10/2007. Tổng Công ty đang trình làm việc với cơ quan thuế để xử lý vấn đề này.

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại 01/01/2024	467.050.861.523	48.687.294.524	12.648.717.516	2.197.136.103	729.251.596	531.313.261.262	
Tăng trong kỳ	39.231.718	-	-	61.181.818	-	100.413.536	
Mua trong kỳ	-	-	-	61.181.818	-	61.181.818	
Đầu tư XDCB hoàn thành	39.231.718	-	-	-	-	39.231.718	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Số dư tại 30/6/2024	467.090.093.241	48.687.294.524	12.648.717.516	2.258.317.921	729.251.596	531.413.674.798	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2024	104.020.510.359	13.569.221.360	12.178.329.180	913.184.161	729.251.596	131.410.496.656	
Tăng trong kỳ	10.426.940.360	1.342.063.730	136.882.381	198.830.346	-	12.104.716.817	
Khấu hao trong kỳ	10.426.940.360	1.342.063.730	136.882.381	198.830.346	-	12.104.716.817	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Số dư tại 30/6/2024	114.447.450.719	14.911.285.090	12.315.211.561	1.112.014.507	729.251.596	143.515.213.473	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2024	363.030.351.164	35.118.073.164	470.388.336	1.283.951.942	-	399.902.764.606	
Tại 30/6/2024	352.642.642.522	33.776.009.434	333.505.955	1.146.303.414	-	387.898.461.325	

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024: 12.233.049.662 đồng (tại ngày 31/12/2023: 11.315.194.332 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

				Đơn vị tính: VND	
		Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Giá trị thương hiệu	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2024		17.280.000.000	470.000.000	200.000.000	17.950.000.000
Tăng trong kỳ		-	-	-	-
Mua trong kỳ		-	-	-	-
Giảm trong kỳ		-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024		17.280.000.000	470.000.000	200.000.000	17.950.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2024		4.140.860.283	282.000.012	200.000.000	4.622.860.295
Tăng trong kỳ		163.810.878	23.499.999	-	187.310.877
Khấu hao trong kỳ		163.810.878	23.499.999	-	187.310.877
Giảm trong kỳ		-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024		4.304.671.161	305.500.011	200.000.000	4.810.171.172
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2024		13.139.139.717	187.999.988	-	13.327.139.705
Tại 30/6/2024		12.975.328.839	164.499.989	-	13.139.828.828

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.11 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	69.146.276.979	-	-	69.146.276.979
- Nhà cửa, vật kiến trúc (i)	67.820.580.552	-	-	67.820.580.552
- Tài sản khác	1.325.696.427	-	-	1.325.696.427
Giá trị hao mòn lũy kế	27.068.229.091	1.153.295.298	-	28.221.524.389
- Nhà cửa, vật kiến trúc (i)	25.742.532.664	1.153.295.298	-	26.895.827.962
- Tài sản khác	1.325.696.427	-	-	1.325.696.427
Giá trị còn lại	42.078.047.888	(1.153.295.298)	-	40.924.752.590
- Nhà cửa, vật kiến trúc (i)	42.078.047.888	(1.153.295.298)	-	40.924.752.590
- Tài sản khác	-	-	-	-

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty là nhà văn phòng và một số công trình khác tại Khu đô thị mới Yên Hòa được Tổng Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

(i) Bao gồm nhóm nhà cửa và vật kiến trúc là các tầng 1 thuộc các tòa nhà CT3, CT4-5 và CT6 trong Dự án Khu đô thị mới Yên Hòa với giá trị còn lại tại ngày 30/6/2024 là 4.100.232.080 VND (Tại ngày 01/01/2024 là 4.100.232.080 VND). Các tài sản này được Tổng Công ty ghi nhận là tài sản của Tổng Công ty trên cơ sở áp dụng Quyết định số 153/2006/QĐ-UBND ngày 31/08/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định tạm thời về quản lý đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án Khu đô thị mới, Khu nhà ở trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Theo đó, Tổng Công ty với tư cách là chủ đầu tư được quản lý, sử dụng toàn bộ tầng 1 nhà chung cư cao tầng để sử dụng vào mục đích kinh doanh dịch vụ công ích đô thị, phục vụ cho việc quản lý duy trì khu dân cư, có trách nhiệm tổ chức việc quản lý, vận hành khu chung cư theo đúng quy định của Nhà nước và Thành phố. Xem thêm Thuyết minh số 7.1 về cam kết của Tổng Công ty liên quan đến các tài sản này.

Ngoài ra, trong nhóm Nhà cửa, vật kiến trúc này còn bao gồm các tầng tum, tầng hầm và sân tầng 1 thuộc tòa nhà CT3, CT6 trong Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa với giá trị còn lại tại ngày 30/6/2024 là 4.810.737.975 VND (Tại ngày 01/01/2024 là 4.810.737.975 VND). Tổng Công ty đã ghi nhận các tài sản này là các tài sản của Tổng Công ty dựa trên Công văn số 09/BXD-QLN của Bộ Xây dựng ngày 07/01/2013. Tổng Công ty và các cơ quan Nhà nước hữu quan và các bên liên quan khác đang trong quá trình làm việc để hoàn tất hồ sơ pháp lý về quyền sở hữu và quyền sử dụng liên quan đến các tài sản nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.12 Tài sản dở dang dài hạn

30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	126.541.749.009	126.541.749.009	126.066.617.091
Khu nghỉ dưỡng Champa Legend resort and spa	126.541.749.009	126.541.749.009	126.066.617.091
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	821.474.685.113	821.474.685.113	789.346.683.317
Dự án Toà nhà hỗn hợp Constrexim Complex (A1)	462.856.212.996	462.856.212.996	462.436.238.909
Dự án Tòa nhà VP và Thương mại Constrexim Plaza (E2)	84.080.017.884	84.080.017.884	83.799.901.273
Dự án Thủy điện La Ngầu	55.462.990.102	55.462.990.102	55.284.127.578
Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Indochina Sapa (Dự án Bản Mòng Resrot	163.419.058.309	163.419.058.309	132.729.423.109
Dự án TTTM Kim Thành - Lào Cai (Dự án Xuyên Á)	21.039.132.614	21.039.132.614	20.952.860.876
Dự án Oceanview Nha Trang	32.317.103.608	32.317.103.608	32.212.504.305
Các dự án khác	2.300.169.600	2.300.169.600	1.931.627.267
Tổng	948.016.434.122	948.016.434.122	915.413.300.408

5.13 Chi phí trả trước

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	890.627.586	3.424.616.991
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	439.522.456	311.162.378
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp	-	397.282.924
Chi phí ngắn hạn khác	451.105.130	316.171.689
Chi phí dịch vụ bán hàng các căn chưa ghi nhận doanh thu	-	2.400.000.000
Dài hạn	4.764.597.870	4.165.850.634
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.057.543.712	2.540.558.302
Chi phí trả trước khác	707.054.158	1.625.292.332
Tổng	5.655.225.456	7.590.467.625

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.14 Phải trả người bán

30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	188.952.204.279	188.952.204.279	201.262.281.792
- Phải trả người bán liên quan hoạt động dự án đầu tư	17.081.766.702	17.081.766.702	25.916.754.229
Công ty CP Đầu tư Việt Sơn (Xem thuyết minh 7.1)	10.737.893.816	10.737.893.816	10.737.893.816
Phải trả các khách hàng dự án khác	6.343.872.886	6.343.872.886	15.178.860.413
- Phải trả thầu phụ các hợp đồng xây lắp có điều kiện (*)	125.451.229.117	125.451.229.117	136.949.139.157
Công ty Cổ phần Constrexim Meco	44.336.298.502	44.336.298.502	44.336.298.502
Phải trả các khách hàng khác	81.114.930.615	81.114.930.615	92.612.840.655
- Phải trả liên quan đến các hợp đồng xây lắp khác	16.081.636.082	16.081.636.082	14.219.310.058
- Các đối tượng khác	30.337.572.378	30.337.572.378	24.177.078.348
Tổng	188.952.204.279	188.952.204.279	201.262.281.792

Trong đó phải trả các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.2 -
Giao dịch các bên liên quan

(*) Theo các hợp đồng thầu phụ có điều kiện, Tổng Công ty chỉ thanh toán cho các nhà thầu phụ sau khi nhận được tiền thanh toán cho công trình từ chủ đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Sở Văn hóa Thể thao Du lịch tỉnh Nghệ An	15.999.217.117	15.999.217.117
Người mua ứng trước tiền mua căn hộ	12.445.786.843	12.051.294.207
Các khách hàng khác	32.963.237.100	25.202.886.297
Tổng	61.408.241.060	53.253.397.621
<i>Trong đó Người mua ứng tiền trước là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.2</i>	<i>1.302.505.673</i>	<i>1.302.505.673</i>

5.16 Chi phí phải trả

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	230.226.000.375	232.463.832.355
Chi phí xây dựng trích trước cho hợp đồng xây lắp nhà số 1&5 đường Lê Duẩn, thành phố Hồ Chí Minh	26.393.006.926	26.393.006.926
Chi phí phát triển đất, chi phí xây dựng và chi phí bảo dưỡng trích trước cho Dự án Khu Đô thị mới Yên Hòa	12.226.831.084	13.048.159.756
Trích trước giá vốn chuyển nhượng Dự án Tòa nhà Trung tâm Thương mại và Dịch vụ (D28)	104.371.163.237	104.371.163.237
Chi phí xây dựng trích trước cho Dự án Tây Hồ Park View	28.172.606.279	28.218.060.828
Trích trước chi phí khác	59.062.392.849	60.433.441.608
Dài hạn	141.093.011.153	140.556.946.361
Phải trả tiền thuê đất dự án Khu đô thị mới Yên Hòa	21.872.826.843	21.336.762.051
Trợ cấp thôi việc phải trả	291.614.310	291.614.310
Trích trước chi phí khác	118.928.570.000	118.928.570.000
Tổng	371.319.011.528	373.020.778.716

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY
DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường
Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	1.236.450.654	4.202.072.935
Doanh thu nhận trước về dịch vụ quản lý căn hộ của Dự án Pentstudio	-	2.664.826.249
Doanh thu nhận trước về dịch vụ cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh	972.015.983	1.086.390.205
Doanh thu khác chưa thực hiện (Doanh thu bán voucher)	264.434.671	450.856.481
Dài hạn	18.384.017.333	16.834.956.820
Doanh thu nhận trước về dịch vụ quản lý căn hộ của Dự án Pentstudio	18.384.017.333	16.834.956.820
Tổng	19.620.467.987	21.037.029.755

5.18 Phải trả khác

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	100.531.232.449	114.822.235.967
Kinh phí công đoàn	586.448.233	564.606.338
Bảo hiểm xã hội	324.607.442	134.322.857
Bảo hiểm y tế	113.473.312	77.870.811
Bảo hiểm thất nghiệp	74.917.352	59.726.752
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.127.137.057
Các khoản phải trả phải nộp khác	99.431.786.110	112.858.572.152
<i>Phải trả cổ tức cho các cổ đông</i>	<i>2.155.149.757</i>	<i>2.155.149.757</i>
<i>Phải trả liên quan đến thanh lý hợp đồng thuê</i>	<i>5.231.471.447</i>	<i>5.231.471.447</i>
<i>Phải trả cá nhân để mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu</i>	<i>1.800.000.000</i>	<i>1.800.000.000</i>
<i>Phải trả lãi tiền vay (i)</i>	<i>50.941.107.533</i>	<i>50.941.107.533</i>
<i>Kinh phí bảo trì dự án Pentstudio (ii)</i>	<i>9.499.728.402</i>	<i>21.037.969.365</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>29.804.328.971</i>	<i>31.692.874.050</i>
Dài hạn	2.034.500.000	3.339.875.138
Phải trả phải nộp dài hạn khác	2.034.500.000	3.339.875.138
Tổng	102.565.732.449	118.162.111.105

Trong đó Phải trả các bên là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.2

3.081.130.240**3.081.130.240**

(i) Khoản lãi vay phải trả Ông Trần Minh Sơn theo Hợp đồng vay vốn số 02/3/2016/HĐVV ngày 2/3/2016 và Bản án số 419/2022/DS-PT ngày 17/10/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Trần Minh Sơn và Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam.

(ii) Đây là khoản kinh phí bảo trì cho các căn hộ đã bàn giao của Dự án Pentstudio và sẽ được sử dụng hoặc bàn giao lại theo quy định của pháp luật.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2024 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	148.160.000.000	148.160.000.000	-	-	148.160.000.000	148.160.000.000
Trần Minh Sơn (1)	148.160.000.000	148.160.000.000	-	-	148.160.000.000	148.160.000.000
Tổng	148.160.000.000	148.160.000.000	-	-	148.160.000.000	148.160.000.000

Thông tin cho khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng vay vốn số 02/3/2016/HĐVV ngày 02/3/2016. Thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày giải ngân phần vốn vay đầu tiên. Lãi suất vay được ấn định là 6%/năm và không thay đổi trong suốt thời hạn vay. Khoản vay này có tranh chấp và Toà án đã xử theo Bản án số 419/2022/DS-PT ngày 17/10/2022 của Toà án Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Trần Minh Sơn và Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam.

5.20 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	789.072.760.000	104.636.382	180.187.026.682	12.109.870.075	981.474.293.139
Lãi/Lỗ trong năm trước	-	-	35.779.988.334	(50.721.913)	35.729.266.421
Số dư tại 31/12/2023	789.072.760.000	104.636.382	215.967.015.016	12.059.148.162	1.017.203.559.560
Số dư tại 01/01/2024	789.072.760.000	104.636.382	215.967.015.016	12.059.148.162	1.017.203.559.560
Lãi/Lỗ trong kỳ này	-	-	1.509.151.520	(22.587.367)	1.486.564.153
Số dư tại 30/6/2024	789.072.760.000	104.636.382	217.476.166.536	12.036.560.795	1.018.690.123.713



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	789.072.760.000	789.072.760.000
Tổng	789.072.760.000	789.072.760.000

d. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	789.072.760.000	789.072.760.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	789.072.760.000	789.072.760.000

e. Cổ phiếu

	30/6/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	78.907.276	78.907.276
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	78.907.276	78.907.276
Cổ phiếu phổ thông	78.907.276	78.907.276
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.907.276	78.907.276
Cổ phiếu phổ thông	78.907.276	78.907.276
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.116.765.736	-
Doanh thu kinh doanh bất động sản	11.281.348.069	36.454.536.188
Doanh thu cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày	38.782.528.079	50.075.490.730
Doanh thu khác	18.119.782.205	5.253.539.063
Tổng	69.300.424.089	91.783.565.981

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	849.198.283	-
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	8.755.268.825	22.497.970.279
Giá vốn cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày	12.590.777.413	38.873.889.691
Giá vốn khác	23.794.609.388	5.951.149.526
Tổng	45.989.853.909	67.323.009.496

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.250.840.035	1.139.186.044
Cổ tức, lợi nhuận được chia	45.489.900	-
Doanh thu tài chính khác	6.600.000	3.213.010
Tổng	1.302.929.935	1.142.399.054

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY
DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường
Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.4 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí bán hàng	6.224.178.047	3.509.385.815
Chi phí nhân viên	1.195.557.648	1.263.786.930
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.251.852	4.174.429
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	40.398.060	10.675.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.985.970.487	2.230.749.106
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.242.849.219	12.366.270.729
Chi phí nhân viên	9.186.483.167	5.689.521.458
Chi phí vật liệu quản lý	295.922	33.086.240
Chi phí đồ dùng văn phòng	357.894.965	418.685.854
Chi phí khấu hao TSCĐ	842.813.482	823.733.813
Thuế phí và lệ phí	1.785.818.477	1.595.964.703
Chi phí dự phòng	-	432.756.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.355.863.421	2.720.799.416
Chi phí bằng tiền khác	713.679.785	651.722.567
Tổng	22.467.027.266	15.875.656.544

6.5 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Thu tiền dịch vụ khác khách sạn	3.589.157	2.348.837
Thu nhập khác	137.295.637	66.013.344
Tổng	140.884.794	68.362.181
Nộp tiền phạt chậm nộp thuế	81.988.050	16.411.434
Chi phí khác	116.844.162	148.353.356
Tổng	198.832.212	164.764.790
Lợi nhuận khác	(57.947.418)	(96.402.609)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	601.961.278	-
Tổng	601.961.278	-

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi sau thuế Công ty mẹ thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	1.509.151.520	9.651.752.426
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.509.151.520	9.651.752.426
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (CP)	78.907.276	78.907.276
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	19	122

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.271.694.067	7.127.331.094
Chi phí nhân công	44.531.420.226	15.767.134.259
Chi phí khấu hao	13.445.322.992	13.463.490.218
Chi phí xây dựng và phát triển bất động sản	142.884.802.744	16.488.947.649
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.690.829.549	10.107.720.348
Chi phí khác bằng tiền	11.292.575.145	2.700.324.110
Chi phí dự phòng	-	432.756.678
Tổng	307.116.644.723	66.087.704.356

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các cam kết và sự kiện tiềm tàng

Cam kết bàn giao lại cơ sở hạ tầng cho thành phố

Theo Công văn số 985/UB-NNĐC do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành ngày 31/3/2004, diện tích tầng 1 các tòa cao tầng trong khu đô thị mới Yên Hòa do Nhà nước thống nhất quản lý và Tổng Công ty có trách nhiệm bàn giao diện tích tầng 1 này cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội theo quy định. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan chức năng để xử lý các nội dung này.

Cam kết thuê hoạt động

Tổng Công ty đang thuê một số lô đất tại quận Cầu Giấy, Hà Nội theo hợp đồng ký năm 2016 để tái đầu tư các dự án Bất động sản, với thời hạn thuê là 50 năm. Các khoản tiền thuê đất ước tính phải trả trong tương lai của Tổng Công ty vào cuối năm như sau:

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.720.081.647	3.720.081.647
Trong vòng hai đến năm năm	14.880.326.588	14.880.326.588
Trên năm năm	106.090.446.961	106.090.446.961
Tổng	124.690.855.196	124.690.855.196

Tổng Công ty hiện đang giao cho Công ty TNHH Apas Hospitality quản lý, vận hành cho thuê văn phòng. Theo đó, giá cho thuê hoạt động được thỏa thuận hàng quý/năm.

Các tài sản thuộc Khu đô thị Yên Hòa

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.11, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan nhà nước hữu quan và các bên liên quan khác để hoàn tất hồ sơ pháp lý về quyền sở hữu và quyền sử dụng đối với một số tài sản thuộc tòa nhà CT3 và CT6 trong khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa. Tổng Công ty tin tưởng rằng kết quả cuối cùng của các cơ quan nhà nước hữu quan sẽ có lợi cho Tổng Công ty nên Tổng Công ty tiếp tục ghi nhận các tài sản này là tài sản của Tổng Công ty trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản phải nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp phát triển doanh nghiệp (sau đây gọi là HTSXPTDN) do SCIC quản lý

Trong năm 2022, Tổng Công ty hoàn nhập khoản phải nộp về quỹ HTSXPTDN do SCIC quản lý với giá trị 23 tỷ đồng do Tổng Công ty đã xác định lại giá trị quyết toán Cổ phần hoá doanh nghiệp theo nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ. Khoản phải trả về Cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước có thể thay đổi phụ thuộc vào Quyết toán của Tổng Công ty và các cơ quan hữu quan.

Nợ tiềm tàng liên quan đến khoản nợ Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San

Các khoản dự phòng phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San, được trình bày tại Thuyết minh số 5.14 có kỳ hạn thanh toán thành một số đợt với khoản phải trả cuối cùng có kỳ hạn trả không muộn hơn 30/12/2017. Hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San đã tạm dừng hoạt động và Tổng Công ty đang trong quá trình liên hệ và làm việc để gia hạn thời hạn thanh toán cho khoản phải trả này. Tổng Công ty chưa ghi nhận các khoản lãi tính trên số nợ quá hạn do Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá sẽ đạt được thỏa thuận gia hạn cho khoản phải trả này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY
DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường
Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Đầu tư Hoà Bình Funding	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần Thăng Long Funding (trước đây là Công ty CP Đầu tư và Quản lý Bất động sản Thăng Long)	Cổ đông lớn
Công ty CP Constrexim Đức Tân Long	Công ty liên kết
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn xây dựng Constrexim (ICC)	Công ty liên kết
Công ty CP Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết
Công ty CP ĐTXD và lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	Công ty liên kết
Công ty CP ĐTXD Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	Công ty liên kết
Công ty CP xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	Công ty liên kết

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát tham gia điều hành quản lý Tổng Công ty trong năm (chi tiết tại báo cáo Ban Tổng Giám đốc trang 2-3 của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ) và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này.

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

			Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Bên liên quan				
Lương của Ban Tổng Giám đốc và Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát			954.160.000	833.960.000
Tổng			954.160.000	833.960.000
<i>Trong đó:</i>				
Hội đồng Quản trị			102.000.000	102.000.000
Phan Minh Tuấn	Chủ tịch	Thù lao	30.000.000	30.000.000
Nguyễn Hưng	Thành viên HĐQT độc lập	Thù lao	18.000.000	18.000.000
Trần Khanh	Thành viên HĐQT độc lập	Thù lao	18.000.000	18.000.000
Chu Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT độc lập	Thù lao	18.000.000	18.000.000
Lý Quốc Hùng	Ủy viên	Thù lao	18.000.000	18.000.000
Ban Kiểm soát			30.000.000	30.000.000
Lý Văn Khả	Trưởng BKS	Thù lao	18.000.000	18.000.000
Trần Anh Tú	Thành viên BKS	Thù lao	6.000.000	6.000.000
Nguyễn Toàn Thắng	Thành viên BKS	Thù lao	6.000.000	6.000.000
Ban Tổng Giám đốc			822.160.000	701.960.000
Phan Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	Lương	184.720.000	184.040.000
Lý Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Lương	184.720.000	184.040.000
Đỗ Tường Hải	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	Lương	-	90.000.000
Ngô Thị Thu Lý	Phó Tổng Giám đốc	Lương	452.720.000	243.880.000
Tổng			954.160.000	833.960.000

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2024	01/01/2024
		VND	VND
Phải thu khách hàng		8.138.601.964	6.836.096.291
Công ty CP Constrexim Đồng Đô	Công ty liên kết	26.876.159	26.876.159
Công ty CP XL và SX cầu kiện Constrexim	Công ty liên kết	7.219.076.093	5.916.570.420
Công ty CP Đức Tân long - Constrexim	Công ty liên kết	892.649.712	892.649.712
Trả trước cho người bán		19.239.305.539	19.239.305.539
Công ty CP đầu tư xây dựng và lắp máy điện nước CONSTREXIM Toàn Cầu	Công ty liên kết	86.506.389	86.506.389
Công ty CP Constrexim Đồng Đô	Công ty liên kết	4.693.097.282	4.693.097.282
Công ty CP XL và SX cầu kiện Constrexim	Công ty liên kết	7.544.509.825	7.544.509.825
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	Công ty liên kết	557.758.267	557.758.267
Công ty CP Đức Tân long - Constrexim	Công ty liên kết	1.173.304.065	1.173.304.065
Công ty CP Đầu tư xây dựng tư vấn thiết kế Constrexim	Công ty liên kết	5.184.129.711	5.184.129.711
Phải trả người bán		17.659.161.194	17.659.161.194
Công ty CP Đầu tư xây dựng và lắp máy điện nước CONSTREXIM Toàn Cầu	Công ty liên kết	4.261.111.301	4.261.111.301
Công ty CP Constrexim Đồng Đô	Công ty liên kết	10.058.328.128	10.058.328.128
Công ty CP XL và SX cầu kiện Constrexim	Công ty liên kết	661.275.244	661.275.244
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	Công ty liên kết	818.336.344	818.336.344
Công ty CP Đầu tư và tư vấn XD Constrexim - ICC	Công ty liên kết	19.970.000	19.970.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng tư vấn thiết kế Constrexim (CID)	Công ty liên kết	1.840.140.177	1.840.140.177
Người mua trả tiền trước		1.302.505.673	1.302.505.673
Công ty CP XL và SX cầu kiện Constrexim	Công ty liên kết	1.302.505.673	1.302.505.673
Phải trả khác		3.081.130.240	3.081.130.240
Trần Anh Tú	Thành viên ban Kiểm soát	3.081.130.240	3.081.130.240



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Báo cáo bộ phận

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Chuyển nhượng bất động sản, Hợp đồng xây dựng, Hoạt động khách sạn, dịch vụ lưu trú ngắn ngày và Cung cấp hàng hóa và dịch vụ và hoạt động khác. Đây là các bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tí suất sinh lời của Tổng Công ty và các Công ty con bị tác động chủ yếu bởi các khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty và các Công ty con cung cấp.

Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

	Doanh thu hợp đồng xây dựng	Doanh thu kinh doanh bất động sản	Doanh thu cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày	Doanh thu khác	Tổng
Doanh thu	1.116.765.736	11.281.348.069	38.782.528.079	18.119.782.205	69.300.424.089
Giá vốn bán hàng	849.198.283	8.755.268.825	12.590.777.413	23.794.609.388	45.989.853.909
Lãi gộp	267.567.453	2.526.079.244	26.191.750.666	(5.674.827.183)	23.310.570.180
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	267.567.453	2.526.079.244	26.191.750.666	(5.674.827.183)	23.310.570.180
Lãi tiền gửi				1.302.929.935	
Chi phí tài chính				(57.947.418)	
Lợi nhuận khác không liên quan đến HĐSXKD				(6.224.178.047)	
Chi phí bán hàng				(16.242.849.219)	
Chi phí quản lý				(601.961.278)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp					
Lợi nhuận trong kỳ					1.486.564.153

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.4 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

	Doanh thu hợp đồng xây dựng	Doanh thu kinh doanh bất động sản	Doanh thu cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày	Doanh thu khác	Tổng
Doanh thu	-	36.454.536.188	50.075.490.730	5.253.539.063	91.783.565.981
Giá vốn bán hàng	-	22.497.970.279	38.873.889.691	5.951.149.526	67.323.009.496
Lãi gộp	-	13.956.565.909	11.201.601.039	(697.610.463)	24.460.556.485
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	-	13.956.565.909	11.201.601.039	(697.610.463)	24.460.556.485
Lãi tiền gửi					1.142.399.054
Chi phí tài chính					-
Lợi nhuận khác không liên quan đến HĐSXKD					(96.402.609)
Chi phí bán hàng					(3.509.385.815)
Chi phí quản lý					(12.366.270.729)
Thuế thu nhập doanh nghiệp					-
Lợi nhuận trong kỳ					9.630.896.386

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường
Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập/Kế toán trưởng



Đỗ Quốc Việt

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

T.UQ Tổng Giám đốc

Trưởng phòng Tài chính kế toán



Hoàng Thị Hương Lan

